

**Công ty Cổ phần Nam Việt**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Công ty Cổ phần Nam Việt**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận  
đăng ký Kinh doanh số**

5203000050

ngày 2 tháng 10 năm 2006  
và điều chỉnh ngày 5 tháng 10 năm 2006  
và ngày 1 tháng 8 năm 2007

**Hội đồng Quản trị**

Ông Doãn Tới	Chủ tịch
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Thành viên
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên
Ông Đặng Văn Điền	Thành viên
Ông Nguyễn Thừa Bửu	Thành viên
Ông Doãn Quốc Xã	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thừa Bửu	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Giám đốc Điều hành
Ông Đặng Văn Điền	Giám đốc Kinh doanh
Ông Doãn Quốc Xã	Giám đốc Cơ khí
Ông Doãn Văn Nho	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

19D Trần Hưng Đạo  
Phường Mỹ Quý  
Tỉnh An Giang  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Nam Việt**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nam Việt (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất liên quan, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

---

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 01043000345

Báo cáo kiểm toán số: 08-01-332

---

Chong Kwang Puay  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

---

Hà Vũ Định  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2008

**Công ty Cổ phần Nam Việt**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008**

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.739.898.664</b>	<b>1.657.433.508</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>96.890.634</b>	<b>266.442.925</b>
Tiền	111		59.150.763	266.442.925
Các khoản tương đương tiền	112		37.739.871	-
<b>Các khoản phải thu – ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>963.841.614</b>	<b>1.118.457.833</b>
Khoản phải thu – thương mại	131		469.594.972	344.848.160
Trả trước cho người bán	132		12.884.434	28.850.722
Phải thu nội bộ	133		471.324.477	743.769.761
Phải thu khác	135		20.943.612	10.137.057
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	139		(10.905.881)	(9.147.867)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>638.823.284</b>	<b>231.499.493</b>
Hàng tồn kho	141		701.642.506	231.499.493
Dự phòng hàng tồn kho	149		(62.819.222)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>7</b>	<b>40.343.132</b>	<b>41.033.257</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.636.648	12.310.192
Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154		80.330	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		23.626.154	28.723.065
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>919.947.423</b>	<b>686.538.895</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>604.135.987</b>	<b>482.804.397</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	488.022.031	113.048.417
<i>Nguyên giá</i>	222		629.759.610	199.596.444
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(141.737.579)	(86.548.027)
Tài sản cố định vô hình	227	9	16.209.872	16.242.606
<i>Nguyên giá</i>	228		16.332.506	16.332.506
<i>Khấu hao lũy kế</i>	229		(122.634)	(89.900)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	99.904.084	353.513.374
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>287.951.220</b>	<b>178.410.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		299.190.500	178.410.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(11.239.280)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.860.216</b>	<b>25.324.498</b>
Tài sản thuế hoãn lại	262	12	4.278.433	1.807.596
Tài sản dài hạn khác	268		23.581.783	23.516.902
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.659.846.087</b>	<b>2.343.972.403</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nam Việt**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2008 VNĐ'000</b>	<b>2007 VNĐ'000</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.058.369.530</b>	<b>651.568.743</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>981.960.495</b>	<b>551.561.769</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	761.738.824	117.664.000
Khoản phải trả – thương mại	312		152.734.416	58.180.036
Tạm ứng từ khách hàng	313		14.598.629	3.966.770
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	12.240.854	26.213.874
Phải trả người lao động	315		10.486.756	7.284.018
Chi phí phải trả	316	15	1.862.778	8.640.916
Phải trả nội bộ	317	16	5.157.614	242.997.395
Phải trả khác	319	17	23.140.624	86.614.760
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>76.409.035</b>	<b>100.006.974</b>
Vay dài hạn	334	18	70.722.460	99.719.803
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	5.686.575	287.171
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.601.476.557</b>	<b>1.692.403.660</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.585.462.952</b>	<b>1.683.764.738</b>
Vốn cổ phần	411	20	660.000.000	660.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		611.965.459	611.965.459
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(27.417.630)	-
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	416		-	1.130.471
Lợi nhuận chưa phân phối	420		340.915.123	410.668.808
<b>Quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>16.013.605</b>	<b>8.638.922</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		16.013.605	8.638.922
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.659.846.087</b>	<b>2.343.972.403</b>

Người lập:

Người duyệt:

Doãn Văn Nho  
Kế toán trưởng

Doãn Tới  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nam Việt****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2008 VNĐ'000</b>	<b>2007 VNĐ'000</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>3</b>	<b>3.336.126.789</b>	<b>3.200.352.091</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>3</b>	<b>(16.923.355)</b>	<b>(6.914.825)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>3.319.203.434</b>	<b>3.193.437.266</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>(2.832.484.046)</b>	<b>(2.482.976.103)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>486.719.388</b>	<b>710.461.163</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	169.117.350	64.769.470
Chi phí hoạt động tài chính	22	22	(178.181.755)	(41.518.466)
Chi phí bán hàng	24		(310.692.886)	(276.741.703)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(56.768.284)	(44.885.364)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>110.193.813</b>	<b>412.085.100</b>
<b>Kết quả của các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	23	6.769.928	21.134.295
Chi phí khác	32	24	(3.621.826)	(16.647.392)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>113.341.915</b>	<b>416.572.003</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập – hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>25</b>	<b>(18.066.442)</b>	<b>(46.878.018)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>25</b>	<b>2.470.837</b>	<b>646.959</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>97.746.310</b>	<b>370.340.944</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>70</b>	<b>26</b>	<b>1.488</b>	<b>5.953</b>

Người lập:

Người duyệt:

Doãn Văn Nho  
Kế toán trưởngDoãn Tới  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nam Việt**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

	<b>Vốn cổ phần VNĐ'000</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000</b>	<b>Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ'000</b>	<b>Chênh lệch quy đổi tỷ giá VNĐ'000</b>	<b>Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ'000</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000</b>	<b>Tổng cộng VNĐ'000</b>
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007</b>	600.000.000	-	-	-	389.522	129.527.864	729.917.386
Vốn cổ phần đã phát hành	60.000.000	-	-	-	-	-	60.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	611.965.459	-	-	-	-	611.965.459
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	370.340.944	370.340.944
Chênh lệch quy đổi tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	1.130.471	-	-	1.130.471
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	-	(79.200.000)	(79.200.000)
Trả trong năm	-	-	-	-	(1.750.600)	-	(1.750.600)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	660.000.000	611.965.459	-	1.130.471	8.638.922	410.668.808	1.692.403.660
Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(27.417.630)	-	-	-	(27.417.630)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	97.746.310	97.746.310
Chênh lệch quy đổi tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	(1.130.471)	-	-	(1.130.471)
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	10.010.327	(10.010.327)	-
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	-	(157.489.668)	(157.489.668)
Trả trong năm	-	-	-	-	(2.635.644)	-	(2.635.644)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008</b>	660.000.000	611.965.459	(27.417.630)	-	16.013.605	340.915.123	1.601.476.557

Người lập:

Người duyệt:

Doãn Văn Nho  
Kế toán trưởng

Doãn Tới  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nam Việt**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>113.341.915</b>	<b>416.572.003</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		56.336.958	29.552.102
Dự phòng	03		76.084.323	3.827.335
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		2.562.331	-
Lỗ/(lợi nhuận) từ hoạt động đầu tư	05		159.832	(337.089)
Chi phí lãi vay	06		82.051.861	22.534.758
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	07		(67.029.939)	(55.161.542)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>263.507.281</b>	<b>416.987.567</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(154.283.958)	(277.073.606)
Biến động hàng tồn kho	10		(470.143.013)	(34.594.141)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(129.722.195)	186.617.479
			<b>(490.641.885)</b>	<b>291.937.299</b>
Chi phí lãi vay đã trả	13		(82.051.861)	(22.534.758)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(35.186.992)	(24.150.914)
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(607.880.738)</b>	<b>245.251.627</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(180.100.741)	(366.782.278)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.272.361	13.983.173
Biến động tài sản dài hạn khác	23		(64.881)	1.036.084
Tăng các khoản đầu tư dài hạn	24		(120.780.500)	(178.400.000)
Thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		67.029.939	55.161.542
Khoản vay cho các bên liên quan	28		(1.305.073.143)	(1.503.179.077)
Khoản vay được hoàn lại	29		1.612.637.624	1.254.689.888
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>75.920.659</b>	<b>(723.490.668)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Nam Việt**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)**

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Thu từ phát hành vốn chủ sở hữu	31		-	671.965.459
Chi mua lại cổ phần	32		(27.417.630)	-
Thu từ các khoản vay ngắn hạn	33		3.523.871.465	1.498.463.092
Chi trả nợ gốc	34		(2.913.306.973)	(1.511.140.537)
Chi trả cổ tức	36		(221.559.261)	-
			<hr/>	<hr/>
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>361.587.601</b>	<b>659.288.014</b>
			<hr/>	<hr/>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(170.372.478)</b>	<b>181.048.973</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>266.442.925</b>	<b>85.916.204</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b>	<b>62</b>		<b>820.187</b>	<b>(522.252)</b>
			<hr/>	<hr/>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>96.890.634</b>	<b>266.442.925</b>
			<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Người lập:

Người duyệt:

Doãn Văn Nho  
*Kế toán trưởng*

Doãn Tới  
*Tổng Giám đốc*

## Công ty Cổ phần Nam Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Nam Việt (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; nuôi cá, sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại, sản xuất dầu bio-diesel; chế biến dầu cá và bột cá; sản xuất keo gentaline và glycerine.

Công ty được thành lập từ việc chuyển thể Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Việt, một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam thành công ty cổ phần vào ngày 2 tháng 10 năm 2006. Tất cả tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt được chuyển giao sang Công ty theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển thể.

Tổng số vốn pháp định của Công ty được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 600.000.000.000 VNĐ. Trong năm 2007, tổng số vốn pháp định của Công ty tăng từ 600.000.000.000 VNĐ lên 660.000.000.000 VNĐ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 1 tháng 8 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 liên quan đến Công ty và công ty con. Công ty TNHH Ấn Độ Dương (gọi chung là “Tập đoàn”).

Chi tiết của các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	Sở hữu vốn pháp định bởi Công ty	
			% sở hữu trong giấy phép của công ty con	Số tiền VNĐ'000
Công ty TNHH Ấn Độ Dương	Chăn nuôi thủy sản, sản xuất bao bì giấy, chế biến dầu cá và bột cá, sản xuất keo gentaline, glycerine và dầu bio-diesel	Số 5704000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 10 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh	100%	36.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty có 4.500 nhân viên (2007: 4.640 nhân viên).

## **Công ty Cổ phần Nam Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Cáo báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(b) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và các giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản chênh lệch chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **(c) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định tại ngày giao dịch.

## **Công ty Cổ phần Nam Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động thì được hạch toán vào Tài Khoản Chênh Lệch Tỷ Giá thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi hoạt động kinh doanh bắt đầu và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng. Khi hoạt động kinh doanh bắt đầu và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản Chi phí Trả trước Dài Hạn. Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

#### **(e) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

#### **(f) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư ký quỹ ngắn hạn, các công cụ nợ và vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp mà Tập Đoàn không kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

#### **(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Công ty Cổ phần Nam Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

#### **(i) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm

#### **(j) Tài sản cố định vô hình**

##### **(i) Quyền sử dụng đất lâu dài**

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất.

##### **(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

#### **(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

## **Công ty Cổ phần Nam Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

#### **(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

#### **(m) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

#### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

#### **(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm căn cứ vào quyết định của các cổ đông. Quỹ này được dùng để loại trừ các khoản tiền thưởng và quỹ phúc lợi phải trả cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản phải trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Công ty Cổ phần Nam Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

#### **(p) Doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### **(q) Các khoản thanh toán về thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán về thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

#### **(s) Các công ty liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

#### **(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Nam Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**(u) Báo cáo bộ phận**

Là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm và dịch vụ (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Cách trình bày chủ yếu của Tập đoàn về báo cáo bộ phận dựa vào bộ phận theo khu vực địa lý. Hoạt động của Tập đoàn nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và bán đầu cá, bột cá và đóng gói sản phẩm.

**(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.



## Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

### 3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và bộ phận địa lý. Cách trình bày chủ yếu, bộ phận địa lý dựa trên việc quản lý của Tập đoàn và cấu trúc báo cáo nội bộ.

Kết quả bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp vào một bộ phận và được phân phối trên cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân phối bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lỗ và lãi khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### Bộ phận chia theo vùng địa lý

Theo thông tin hiện tại trên cơ sở bộ phận địa lý, bộ phận doanh thu dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, tại Việt Nam (“Trong nước”) hoặc các nước ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”).

	Xuất khẩu		Trong nước		Hợp nhất	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tổng doanh thu	2.376.511.037	2.550.635.689	959.615.752	649.716.402	3.336.126.789	3.200.352.091
Các khoản giảm trừ kinh doanh	(4.819.090)	(6.032.213)	(12.104.265)	(882.612)	(16.923.355)	(6.914.825)
Doanh thu thuần	2.371.691.947	2.544.603.476	947.511.487	648.833.790	3.319.203.434	3.193.437.266
Giá vốn hàng bán	(2.059.978.675)	(2.005.972.121)	(772.505.371)	(477.003.982)	(2.832.484.046)	(2.482.976.103)
Lợi nhuận gộp	311.713.272	538.631.355	175.006.116	171.829.808	486.719.388	710.461.163

**Công ty Cổ phần Nam Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Tiền mặt	2.061.897	42.594.700
Tiền gửi ngân hàng	57.088.866	223.848.225
Các khoản tương đương tiền	37.739.871	-
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.890.634	266.442.925
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số ngoại tệ khác VNĐ tương đương 23.244 triệu VNĐ (2007: 56.941 triệu VNĐ).

**5. Các khoản phải thu – ngắn hạn**

Các khoản phải thu nội bộ bao gồm:

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
<b>Phải thu từ các công ty liên quan</b>		
Thương mại	306.014.258	217.996.487
Phi thương mại	165.310.219	525.773.274
	<hr/>	<hr/>
	471.324.477	743.769.761
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi, và không có thời gian hoàn trả cố định, ngoại trừ số tiền 70.384 triệu VNĐ (2007: 377.949 triệu VNĐ) chịu mức lãi suất dao động từ 1% đến 1.7% một tháng trong năm (2007: 1% đến 1.2%).

Khoản phải thu khác bao gồm:

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Khoản vay phải thu (a)	11.100.094	5.321.161
Phải thu khác	9.843.518	4.815.896
	<hr/>	<hr/>
	20.943.612	10.137.057
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- a. Khoản phải thu này thể hiện các khoản cho nhân viên vay không được bảo đảm và chịu lãi suất tháng là 1.5% (2007: 1.5%) trong năm.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Số dư đầu năm	9.147.867	5.320.532
Tăng dự phòng trong năm	2.025.821	3.827.335
Sử dụng dự phòng trong năm	(267.807)	-
	<hr/>	<hr/>
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	10.905.881	9.147.867
	<hr/>	<hr/>

## 6. Hàng tồn kho

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Hàng mua đang đi đường	-	1.333.742
Nguyên vật liệu	17.995.922	7.898.246
Công cụ và dụng cụ	5.929.167	5.734.139
Sản phẩm dở dang	74.579	163.645
Thành phẩm	674.193.783	133.183.694
Hàng hóa tồn kho	3.449.055	83.186.027
	<hr/>	<hr/>
	701.642.506	231.499.493
Dự phòng hàng tồn kho	(62.819.222)	-
	<hr/>	<hr/>
	638.823.284	231.499.493
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm thể hiện khoản dự phòng trích lập trong năm.

## 7. Tài sản ngắn hạn khác

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Tạm ứng	23.542.967	28.723.065
Ký quỹ ngắn hạn	83.187	-
	<hr/>	<hr/>
	23.626.154	28.723.065
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

## 8. Tài sản cố định hữu hình

	<b>Nhà xưởng VNĐ'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VNĐ'000</b>	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ'000</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VNĐ'000</b>	<b>Tổng cộng VNĐ'000</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	59.122.805	4.926.128	121.376.359	14.171.152	199.596.444
Tăng trong năm	-	3.518.856	12.961.816	6.092.609	22.573.281
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	137.978.265	812.154	272.346.331	-	411.136.750
Thanh lý	-	-	(659.028)	(1.613.333)	(2.272.361)
Xóa sổ	(342.048)	(100.559)	(831.897)	-	(1.274.504)
Phân loại lại	732.359	12.545	(744.904)	-	-
Số dư cuối năm	197.491.381	9.169.124	404.448.677	18.650.428	629.759.610
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	31.944.398	1.902.828	48.099.544	4.601.257	86.548.027
Khấu hao trong năm	18.402.842	1.423.625	33.525.574	2.952.183	56.304.224
Xóa sổ	(228.031)	(76.148)	(810.493)	-	(1.114.672)
Số dư cuối năm	50.119.208	3.250.305	80.814.626	7.553.440	141.737.579
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư cuối năm	147.372.173	5.918.819	323.634.051	11.096.988	488.022.031
Số dư đầu năm	27.178.408	3.023.300	73.276.814	9.569.895	113.048.417

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 18.978 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 18.743 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ được mang sang là 468.440 triệu VNĐ (2007: 32.942 triệu VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Nam Việt  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

## 9. Tài sản cố định vô hình

	<b>Quyền sử dụng đất lâu dài VNĐ'000</b>	<b>Phần mềm vi tính VNĐ'000</b>	<b>Tổng cộng VNĐ'000</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	16.183.968	148.538	16.332.506
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	89.900	89.900
Khấu hao trong năm	-	32.734	32.734
Số dư cuối năm	-	122.634	122.634
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	16.183.968	25.904	16.209.872
Số dư đầu năm	16.183.968	58.638	16.242.606

## 10. Xây dựng cơ bản dở dang

	<b>2008 VNĐ'000</b>	<b>2007 VNĐ'000</b>
Số dư đầu năm	353.513.374	5.441.673
Tăng trong năm	157.527.460	352.572.634
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(4.500.933)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(411.136.750)	-
Số dư cuối năm	99.904.084	353.513.374

Công ty Cổ phần Nam Việt  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

## 11. Các khoản đầu tư

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Đầu tư vốn chủ sở hữu vào:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Mỹ Xuyên	135.000.000	135.000.000
▪ Quỹ Phát triển Việt Long	20.200.000	20.200.000
▪ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	20.000.000	20.000.000
▪ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không	43.200.000	3.200.000
▪ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Tài Nguyên	65.780.500	-
▪ Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	10.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt	5.000.000	-
Trái phiếu kho bạc dài hạn	10.000	10.000
	<hr/>	<hr/>
	299.190.500	178.410.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(11.239.280)	-
	<hr/>	<hr/>
	287.951.220	178.410.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

## 12. Tài sản và nợ thuế hoãn lại

### *Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận*

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Dự phòng	1.694.503	943.504
Trích trước	-	864.092
Lỗi tính thuế mang sang	2.583.930	-
	<hr/>	<hr/>
	4.278.433	1.807.596
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ không hết hiệu lực theo luật thuế hiện hành.

Công ty Cổ phần Nam Việt  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

### 13. Vay và nợ dài hạn

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Các khoản vay ngắn hạn		
Khoản vay 1 từ Ngân hàng ANZ (a)	304.028.492	-
Khoản vay 2 từ BIDV – Chi nhánh An Giang (b)	100.000.000	-
Khoản vay 3 từ Ngân hàng Eximbank (c)	123.000.000	-
Khoản vay 4 từ Sacombank – Tp. Hồ Chí Minh (d)	-	100.000.000
Khoản vay 5 từ Ngân hàng VDB – Chi nhánh An Giang (e)	86.400.000	-
Khoản vay 6 từ Vietcombank – Chi nhánh An Giang (f)	100.000.000	-
Khoản vay 7 từ Công ty Cổ phần Biển Đông (g)	4.800.000	-
Khoản vay 8 từ Doãn Tới. Tổng Giám đốc (h)	10.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	33.510.332	17.664.000
	761.738.824	117.664.000
	761.738.824	117.664.000

- a. Khoản vay 1 được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 270.571 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 11.25% đến 19.25% trong năm.
- b. Khoản vay 2 được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 50.279 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất hàng tháng dao động từ 0.81% đến 1.75% trong năm.
- c. Khoản vay 3 được bảo đảm bởi chín triệu cổ phiếu Công ty của Ông Doãn Chí Thanh và chịu lãi suất hàng tháng dao động từ 0.81% đến 1.75% trong năm.
- d. Khoản vay 4 được bảo đảm bởi chín triệu cổ phiếu Công ty của Ông Doãn Chí Thanh và chịu lãi suất năm là 9.72% trong năm.
- e. Khoản vay 5 không được bảo đảm và chịu lãi suất hàng tháng dao động từ 0.73% đến 1.35% trong năm.
- f. Khoản vay 6 không được bảo đảm và chịu lãi suất hàng tháng là 0.88% trong năm.
- g. Khoản vay 7 không được bảo đảm và chịu lãi suất hàng tháng là 0.8% trong năm.
- h. Khoản vay 8 không được bảo đảm và chịu lãi suất hàng tháng là 1.2% trong năm.

Công ty Cổ phần Nam Việt  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
 (tiếp theo)

#### 14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
<b>Thuế</b>		
Thuế giá trị gia tăng	4.737.977	2.509.486
Thuế xuất nhập khẩu	1.891.598	953.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.606.554	22.727.104
Thuế khác	4.725	23.750
	<hr/> 12.240.854	<hr/> 26.213.874

#### 15. Chi phí phải trả

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Lương tháng 13	1.862.778	8.640.916

#### 16. Phải trả nội bộ

Các khoản phải trả nội bộ là các khoản thương mại phải trả cho các công ty liên quan.

#### 17. Phải trả khác

Phải trả khác bao gồm:

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Mua hàng chưa nhận được hóa đơn	1.133.645	3.641.863
Bảo hiểm xã hội	366.983	526.227
Bảo hiểm y tế	82.441	78.077
Cổ tức phải trả	15.130.407	79.200.000
Khoản phải trả khác	6.427.148	3.168.593
	<hr/> 23.140.624	<hr/> 86.614.760



Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

## 18. Vay dài hạn

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Các khoản vay dài hạn		
Quỹ hỗ trợ An Giang (a)	25.001.132	42.665.133
Ngân hàng An Bình (b)	79.231.660	74.718.670
	<hr/>	<hr/>
	104.232.792	117.383.803
Phải hoàn trả trong vòng 12 tháng	(33.510.332)	(17.664.000)
	<hr/>	<hr/>
Phải hoàn trả sau 12 tháng	70.722.460	99.719.803
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

a. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 36.632 triệu VNĐ (2007: 32.942 triệu VNĐ) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay chịu lãi suất năm là 5.4% (2007: 5.4%) trong năm.

b. Khoản vay này được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 110.958 triệu VNĐ (2007: 106.755 triệu VNĐ) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6.73% (2007: 6.73%) trong năm. Khoản vay này liên quan đến các khoản vay của công ty con và được bảo đảm bởi Công ty.

Các khoản vay dài hạn sẽ được hoàn trả dựa vào hợp đồng vay theo lịch trình sau

<b>Năm hoàn trả</b>	<b>VNĐ'000</b>
2009	33.510.332
2010	25.891.258
2011	14.943.734
2012	14.943.734
2013	14.943.734
	<hr/>
	104.232.792
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Nam Việt  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

## 19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	<b>Trợ cấp thôi việc VNĐ'000</b>
Số dư đầu năm	287.171
Trích lập dự phòng trong năm	5.686.575
Sử dụng dự phòng trong năm	(287.171)
	<hr/>
Số dư cuối năm	5.686.575

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 540.000 VNĐ/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

## 20. Vốn góp

Vốn cổ phần của Công ty được duyệt và đã phát hành như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008		Ngày 31 tháng 12 năm 2007	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	66.000.000	660.000.000	66.000.000	660.000.000
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	660.000.000	66.000.000	660.000.000

## Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2008		Ngày 31 tháng 12 năm 2007	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Số dư đầu năm	66.000.000	660.000.000	60.000.000	600.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	6.000.000	60.000.000
Cổ phiếu mua lại	(394.750)	(27.417.630)	-	-
Số dư cuối năm	65.605.250	632.582.370	66.000.000	660.000.000

## 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	46.426.522	43.833.515
▪ Các ngân hàng	8.288.573	8.132.763
▪ Thu nhập cổ tức	7.776.000	-
▪ Khác	4.538.844	3.195.264
Lãi chênh lệch tỷ giá	102.087.411	9.607.928
	169.117.350	64.769.470

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

## 22. Chi phí hoạt động tài chính

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Chi phí lãi vay phải trả cho		
▪ Các bên liên quan	3.109.695	11.360.600
▪ Các ngân hàng	78.657.965	10.435.166
▪ Các bên khác	284.201	738.992
Lỗ chênh lệch tỷ giá	80.547.076	18.983.708
Lỗ từ các hoạt động đầu tư	4.343.538	-
Dự phòng đầu tư dài hạn	11.239.280	-
	<hr/>	<hr/>
	178.181.755	41.518.466
	<hr/>	<hr/>

## 23. Thu nhập khác

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.272.361	13.983.173
Khác	4.497.567	7.151.122
	<hr/>	<hr/>
	6.769.928	21.134.295
	<hr/>	<hr/>

## 24. Chi phí khác

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thanh lý và xóa sổ	2.432.193	13.646.084
Chi phí khác	1.189.633	3.001.308
	<hr/>	<hr/>
	3.621.826	16.647.392
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nam Việt  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
 (tiếp theo)

## 25. Thuế thu nhập

### (a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện tại	16.072.161	39.989.459
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.994.281	6.888.559
	18.066.442	46.878.018
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(2.470.837)	(646.959)
	15.595.605	46.231.059

### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế	113.341.915	416.572.003
Thuế theo thuế suất của Công ty	22.668.382	83.314.401
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	5.469.900	-
Thu nhập nội bộ chịu thuế (miễn)/phát sinh	(1.666.171)	1.666.171
Thu nhập không chịu thuế	(1.499.616)	(532.178)
Ảnh hưởng của việc miễn thuế và giảm thuế	(11.371.171)	(45.105.894)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.994.281	6.888.559
	15.595.605	46.231.059

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UN do Ủy ban Nhân Dân tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và Công Văn số 2657/CT.TTr2 do Cục Thuế tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006. Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế và được miễn thuế thu nhập trong năm 2002 và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập kể từ năm 2003 đến 2006.

Công ty cũng được giảm 50% thuế thu nhập trên các phần lợi nhuận từ doanh thu xuất khẩu nếu doanh thu xuất khẩu vượt năm trước.

Hơn nữa, Công ty cũng được hưởng các ưu đãi thuế từ hoạt động tái đầu tư như sau:

<b>Giấy phép chứng nhận ưu đãi đầu tư</b>	<b>Thuế ưu đãi</b>
Quyết định 51/CN.UB ngày 29/8/2003	Miễn thuế thu nhập trong năm 2004 và giảm 50% từ năm 2005 đến 2008 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới
Quyết định 70/CN.UB ngày 16/8/2004	Miễn thuế thu nhập trong năm 2005 và giảm 50% từ năm 2006 đến 2009 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới

**26. Lãi trên cổ phiếu**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Công ty là 97.746 triệu VNĐ (2007: 370.341 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 65.688.143 (2007: 62.219.178), được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông**

	<b>2008</b>	<b>2007</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	97.746.310	370.340.944
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông	97.746.310	370.340.944

Công ty Cổ phần Nam Việt  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

(ii) *Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành*

	2008	2007
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	66.000.000	60.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 18 tháng 8 năm 2007	-	2.219.178
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại vào tháng 2 năm 2008	(209.425)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại vào tháng 3 năm 2008	(61.245)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại vào tháng 4 năm 2008	(41.187)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	65.688.143	62.219.178

**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại	
	2008	2007	ngày 31 tháng 12 năm 2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
<b>Công ty liên quan</b>				
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>				
Bán sản phẩm	117.362.037	102.030.176	173.606.779	175.655.448
Bán vật liệu	26.691.422	143.691.135	116.986.037	66.229.226
Cho công ty liên quan vay	1.232.523.143	1.503.179.077	15.384.708	307.949.189
Thu nhập lãi vay	46.353.403	41.694.215	-	28.785.553
Mua sản phẩm chế biến	1.096.460.303	967.178.082	(5.157.614)	(242.997.395)
Chi hộ	80.000.509	9.112.662	94.925.511	15.524.345
<b>Công ty TNHH Thanh Thiên</b>				
Cho công ty liên quan vay	-	24.000.000	-	-
Bán thành phẩm	52.642.251	95.290.412	15.421.442	79.626.000
<b>Cổ đông</b>				
<b>Dẫn Tới</b>				
<b>Các khoản vay</b>	58.334.610	-	(10.000.000)	-
Chi phí lãi vay	3.109.695	-	-	-
<b>Dương Thị Kim Hương</b>				
Các khoản vay	-	251.500.000	-	-
Chi phí lãi vay	-	11.345.333	-	-
<b>Doãn Chí Thanh</b>				
Cho cổ đông vay	17.550.000	74.200.000	-	70.000.000
<b>Doãn Chí Thiên</b>				
Các khoản vay	55.000.000	-	55.000.000	-

Công ty Cổ phần Nam Việt  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
(tiếp theo)

## 28. Các cam kết

### *Cam kết chi tiêu vốn*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Cho công ty liên quan vay:

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Được duyệt và đã ký hợp đồng	13.581.600	38.101.525

## 29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	<b>2008</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	2.652.482.347	1.276.041.339
Chi phí nhân công và nhân viên	121.271.574	87.218.036
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.336.958	29.552.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.853.335	332.830.653
Các chi phí khác	7.275.730	77.840.276

## 30. Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Công ty có các cam kết mua bán ngoại tệ với Ngân hàng ANZ. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để bán 6.200.000 Đô la Mỹ đổi lấy 105.926 triệu VNĐ được thực hiện vào tháng 1 năm 2009 (2007: không).

Người lập:

Người duyệt:

Doãn Văn Nho  
*Kế toán trưởng*

Doãn Tới  
*Tổng Giám đốc*



**Công ty Cổ phần Nam Việt**  
**Báo cáo quản trị (không kiểm toán)**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Việt và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày được lập như sau:

<b>Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Công ty VNĐ'000</b>	<b>Công ty con VNĐ'000</b>	<b>Điều chỉnh hợp nhất VNĐ'000</b>	<b>Tập đoàn VNĐ'000</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.964.563.023</b>	<b>522.062.631</b>	<b>(746.726.990)</b>	<b>1.739.898.664</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>88.964.991</b>	<b>7.925.643</b>	-	<b>96.890.634</b>
Tiền	51.225.120	7.925.643	-	59.150.763
Các khoản tương đương tiền	37.739.871	-	-	37.739.871
<b>Các khoản phải thu - ngắn hạn</b>	<b>1.683.725.848</b>	<b>26.842.756</b>	<b>(746.726.990)</b>	<b>963.841.614</b>
Phải thu – thương mại	465.247.893	4.347.079	-	469.594.972
Trả trước cho người bán	1.851.501	11.032.933	-	12.884.434
Phải thu nội bộ	1.206.648.396	11.403.071	(746.726.990)	471.324.477
Các khoản phải thu khác	20.883.939	59.673	-	20.943.612
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	(10.905.881)	-	-	(10.905.881)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>151.534.985</b>	<b>487.288.299</b>	-	<b>638.823.284</b>
Hàng tồn kho	160.607.758	541.034.748	-	701.642.506
Dự phòng hàng tồn kho	(9.072.773)	(53.746.449)	-	(62.819.222)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>40.337.199</b>	<b>5.933</b>	-	<b>40.343.132</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16.636.648	-	-	16.636.648
Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước	80.330	-	-	80.330
Tài sản ngắn hạn khác	23.620.221	5.933	-	23.626.154
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>542.020.008</b>	<b>413.927.415</b>	<b>(36.000.000)</b>	<b>919.947.423</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>193.125.305</b>	<b>411.010.682</b>	-	<b>604.135.987</b>
Tài sản cố định hữu hình	96.451.472	391.570.559	-	488.022.031
<i>Nguyên giá</i>	207.458.353	422.301.257	-	629.759.610
<i>Khấu hao lũy kế</i>	(111.006.881)	(30.730.698)	-	(141.737.579)
Tài sản cố định vô hình	16.209.872	-	-	16.209.872
<i>Nguyên giá</i>	16.332.506	-	-	16.332.506
<i>Phân bổ lũy kế</i>	(122.634)	-	-	(122.634)
Xây dựng cơ bản dở dang	80.463.961	19.440.123	-	99.904.084
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>323.951.220</b>	-	<b>(36.000.000)</b>	<b>287.951.220</b>
Đầu tư vào công ty con	36.000.000	-	(36.000.000)	-
Đầu tư dài hạn khác	299.190.500	-	-	299.190.500
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(11.239.280)	-	-	(11.239.280)

**Công ty Cổ phần Nam Việt**  
**Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)**

<b>Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Công ty VNĐ'000</b>	<b>Công ty con VNĐ'000</b>	<b>Điều chỉnh hợp nhất VNĐ'000</b>	<b>Tập đoàn VNĐ'000</b>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>24.943.483</b>	<b>2.916.733</b>		<b>27.860.216</b>
Tài sản thuế hoãn lại	1.543.483	2.734.950	-	4.278.433
Tài sản dài hạn khác	23.400.000	181.783	-	23.581.783
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2.506.583.031</b>	<b>935.990.046</b>	<b>(782.726.990)</b>	<b>2.659.846.087</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>852.736.942</b>	<b>952.359.578</b>	<b>(746.726.990)</b>	<b>1.058.369.530</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>840.870.856</b>	<b>887.816.629</b>	<b>(746.726.990)</b>	<b>981.960.495</b>
Vay và nợ ngắn hạn	745.892.492	15.846.332	-	761.738.824
Phải trả – thương mại	38.051.720	114.682.696	-	152.734.416
Tạm ứng từ khách hàng	14.590.335	8.294	-	14.598.629
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	7.498.152	4.742.702	-	12.240.854
Phải trả nhân viên	6.562.177	3.924.579	-	10.486.756
Chi phí trích trước	-	1.862.778	-	1.862.778
Phải trả nội bộ	8.386.537	743.498.067	(746.726.990)	5.157.614
Phải trả khác	19.889.443	3.251.181	-	23.140.624
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>11.866.086</b>	<b>64.542.949</b>	-	<b>76.409.035</b>
Vay dài hạn	7.337.133	63.385.327	-	70.722.460
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.528.953	1.157.622	-	5.686.575
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.653.846.089</b>	<b>(16.369.532)</b>	<b>(36.000.000)</b>	<b>1.601.476.557</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.637.437.323</b>	<b>(15.974.371)</b>	<b>(36.000.000)</b>	<b>1.585.462.952</b>
Vốn cổ phần	660.000.000	36.000.000	(36.000.000)	660.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	611.965.459	-	-	611.965.459
Cổ phiếu ngân quỹ	(27.417.630)	-	-	(27.417.630)
Lợi nhuận chưa phân phối	392.889.494	(51.974.371)	-	340.915.123
<b>Quỹ khác</b>	<b>16.408.766</b>	<b>(395.161)</b>	-	<b>16.013.605</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	16.408.766	(395.161)	-	16.013.605
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.506.583.031</b>	<b>935.990.046</b>	<b>(782.726.990)</b>	<b>2.659.846.087</b>

**Công ty Cổ phần Nam Việt**  
**Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)**

<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>Công ty VNĐ'000</b>	<b>Công ty con VNĐ'000</b>	<b>Điều chỉnh hợp nhất VNĐ'000</b>	<b>Tập đoàn VNĐ'000</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.496.082.819</b>	<b>1.138.913.555</b>	<b>(1.298.869.585)</b>	<b>3.336.126.789</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(16.811.024)</b>	<b>(112.331)</b>	<b>-</b>	<b>(16.923.355)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.479.271.795</b>	<b>1.138.801.224</b>	<b>(1.298.869.585)</b>	<b>3.319.203.434</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>(2.966.075.387)</b>	<b>(1.165.278.244)</b>	<b>1.298.869.585</b>	<b>(2.832.484.046)</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) gộp</b>	<b>513.196.408</b>	<b>(26.477.020)</b>	<b>-</b>	<b>486.719.388</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	164.535.184	4.431.033	151.133	169.117.350
Chi phí hoạt động tài chính	(167.386.799)	(18.974.679)	8.179.723	(178.181.755)
Chi phí bán hàng	(301.315.889)	(9.376.997)	-	(310.692.886)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(50.928.598)	(5.839.686)	-	(56.768.284)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>158.100.306</b>	<b>(56.237.349)</b>	<b>8.330.856</b>	<b>110.193.813</b>
<b>Kết quả của các hoạt động khác</b>				
Thu nhập khác	4.376.153	2.393.775	-	6.769.928
Chi phí khác	(2.766.406)	(855.420)	-	(3.621.826)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>159.710.053</b>	<b>(54.698.994)</b>	<b>8.330.856</b>	<b>113.341.915</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành</b>	<b>(18.066.442)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(18.066.442)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại</b>	<b>(264.113)</b>	<b>2.734.950</b>	<b>-</b>	<b>2.470.837</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>141.379.498</b>	<b>(51.964.044)</b>	<b>8.330.856</b>	<b>97.746.310</b>